

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

BÀI 5. NHỮNG NẼO ĐƯỜNG XỨ XỞ

TIẾT: GIỚI THIỆU BÀI HỌC VÀ TRI THỨC NGŨ VĂN

I. Mục tiêu

1. Kiến thức

- Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của du kí.

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng:

- Nhận biết và phân tích được các đặc điểm nghệ thuật của thể kí.

3. Phẩm chất:

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào các VB được học.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Các phương tiện kỹ thuật
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. Tiến trình dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

GV tổ chức trò chơi ĐUỐI HÌNH BẮT CHỮ

+ Sóc Trăng

+ Lai Châu

+ Sơn La

+ Phú Yên

+ Hồ Chí Minh

+ Yên Bái

+ Cà Mau

- HS thực hiện nhiệm vụ.

- GV dẫn dắt vào bài mới:

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động 1: Giới thiệu bài học

a. Mục tiêu: Nắm được chủ đề và thể loại chính của bài học

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ - Gv chuyển giao nhiệm vụ + Gv yêu cầu học sinh đọc đoạn giới thiệu bài học cùng với câu hỏi:	I. GIỚI THIỆU BÀI HỌC - Chủ đề bài học: NHỮNG NÉO ĐƯỜNG XỨ XỞ

<p>+ Phần giới thiệu bài học muốn nói với chúng ta điều gì?</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS quan sát, lắng nghe, suy nghĩ</p> <p>- GV lắng nghe, gợi mở</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- Hs trả lời câu hỏi</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Gv định hướng về mục tiêu cần đạt qua bài học cho học sinh</p>	<p>→ Đất nước thật tươi đẹp và thú vị. Mỗi bước chân của chúng ta sẽ mở ra và đưa ta đến một chân trời mới</p> <p>- Thể loại chính: kí, du kí, thơ</p>
--	---

Hoạt động 2: Khám phá tri thức ngữ văn

a. Mục tiêu: Nắm được nội dung của bài học, nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của du kí;

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức thông qua sự hướng dẫn của GV, câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>GV yêu cầu HS đọc phần Tri thức ngữ văn trong SGK và tìm hiểu về những đặc điểm của thể loại kí và du kí.</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p>	<p>II. TRI THỨC NGỮ VĂN</p> <p>1. Kí</p> <p>- Kí là tác phẩm văn học chú trọng ghi chép sự thực.</p> <p>- Trong kí có</p>

<p>HS thảo luận trả lời các câu hỏi.</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận: HS báo cáo kết quả, nhận xét.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định. GV chốt và mở rộng kiến thức.</p>	<p>+ Kể sự việc, tả người, tả cảnh, cung cấp thông tin và thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của người viết.</p> <p>+ Có những tác phẩm nghiêng về kể sự việc, có những tác phẩm nghiêng về thể hiện cảm xúc;</p> <p>- Ngôi kể thứ nhất: với một số thể loại kí, tác giả thường là người trực tiếp tham gia hoặc chứng kiến sự việc.</p> <p>- Trình tự kể: theo trình tự thời gian.</p> <p>- Kí có nhiều loại: kí sự, phóng sự, du kí, hồi kí...</p> <p>2. Du kí</p> <p>Du kí là thể loại ghi chép về những chuyến đi tới các vùng đất, các xứ sở nào đó. Người viết kể lại hoặc miêu tả những điều mắt thấy tai nghe trên hành trình của mình.</p>
---	--

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV tổ chức trò chơi **RUNG CHUÔNG VÀNG**

1. Điền từ thích hợp vào chỗ chấm:

Kí là loại tác phẩm văn học.....

→ Ghi chép sự thực

2. Tác giả của kí thường là người trực tiếp tham gia, chứng kiến sự việc, đúng hay sai?

→ Đúng

3. Sự việc trong thể loại kí thường được kể theo trình tự gì?

→ Thời gian

4. Kí chỉ kể các sự việc, không bày tỏ cảm xúc, suy nghĩ, liên tưởng của tác giả. Đúng hay sai?

→ Sai

5. Nêu khái niệm du kí bằng một câu ngắn gọn.

→ Du kí là một tiểu loại của kí, ghi chép về những chuyến đi tới các vùng đất, trong đó người viết kể lại hoặc miêu tả những điều mắt thấy tai nghe trên hành trình của mình.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Sản phẩm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- **GV giao nhiệm vụ cho HS:** Suu tầm các văn bản được viết theo thể loại kí/ du kí và phân tích đặc điểm.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Rút kinh nghiệm

.....
.....
.....

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

TIẾT.....: Cô Tô

Nguyễn Tuân

I. Mục tiêu

1. Kiến thức

- HS nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất trong đoạn trích *Cô Tô*. HS nhận ra cách kể theo trình tự thời gian của đoạn trích (từ ngày thứ tư đến ngày thứ năm, thứ sáu trên đảo; miêu tả Cô Tô trong trận bão và sau bão); xác định được người kể chuyện ngôi thứ nhất xưng “tôi”; nhận biết được các biện pháp tu từ, các chi tiết miêu tả đặc sắc;
- HS nhận biết được vẻ đẹp của cảnh và người Cô Tô. Vẻ đẹp của cảnh Cô Tô: tinh khôi mà dữ dội, đa dạng mà khác biệt; vẻ đẹp của con người Cô Tô: sống cùng sự kì vĩ mà khắc nghiệt của thiên nhiên, bền bỉ và lạng lẽ bám biển để lao động sản xuất và giữ gìn biển đảo quê hương;
- HS nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB, cụ thể: cách dùng biện pháp tu từ, lối miêu tả và xây dựng hình ảnh,...

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v...

b. Năng lực riêng:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Cô Tô*
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Cô Tô*
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề.

3. Phẩm chất:

- Hình thành và phát triển ở HS những phẩm chất tốt đẹp: yêu mến và tự hào về vẻ đẹp của quê hương, xứ sở.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Các phương tiện kỹ thuật
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. Tiến trình dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

GV tổ chức hoạt động GÓC CHIA SẺ: Hãy chia sẻ những hiểu biết của em về quần đảo Cô Tô và chiếu một số hình ảnh về quần đảo Cô Tô

➔ Quần đảo Cô Tô

- Diện tích: 47,3 km²
- Dân số: 4985 người
- Tên cổ: Chàng Sơn (núi Chàng)
- Gồm 50 đảo nhỏ trong vịnh Bái Tử Long (thuộc vịnh Bắc Bộ).

- *GV dẫn dắt vào bài mới: Hôm nay, cô sẽ đưa các con đến thăm hòn đảo Cô Tô, một hòn đảo xinh đẹp, nằm ở phía đông Bắc của tổ quốc. Đảo Cô Tô hiện lên như thế nào dưới ngòi bút tài hoa của nhà văn Nguyễn Tuân? Chúng ta cùng tìm hiểu.*

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung

- a. **Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.
- b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.
- c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Thao tác 1: đọc- chú thích</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- Gv gọi 2 học sinh đọc lần lượt trước lớp</p> <p>HS đọc thầm chú thích trong SHS và ghi chép các từ mới vào SỔ TAY</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>- HS theo dõi sgk</p> <p>- GV quan sát, hỗ trợ</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá</p>	<p>I. Đọc- Tìm hiểu chung</p> <p>1. Đọc- chú thích</p> <p>a. Đọc</p> <p>- Gv gọi 2 học sinh đọc lần lượt trước lớp</p> <p>- Giọng đọc: to, rõ ràng, ngắt nghỉ đúng chỗ.</p> <p>b. Chú thích</p> <p>Trận địa, hỏa lực, chập, băng đạn, thủy tộc, đảo úy, quý khốc thần kinh, ngân bễ, đường bệ,...</p>

Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV tổ chức hoạt động **HỌC NHANH NHỚ LÂU** để tìm hiểu về tác giả Nguyễn Tuân

+ **Hình thức:** chia lớp làm 2 đội, lần lượt mỗi thành viên của đội lên thực hiện yêu cầu.

+ **Yêu cầu:** sau khi xem video, ghi nhớ thông tin quan trọng về tác giả Nguyễn Tuân.

+ **GV đặt câu hỏi:** nêu hiểu biết của mình về văn bản “Cô Tô”

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS trả lời câu hỏi

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức

2. Tìm hiểu chung

a. Tác giả:

- Nguyễn Tuân (1910- 1987)

- **Quê quán:** Hà Nội.

- Ông là nhà văn có **phong cách độc đáo**, lối viết **tài hoa**, cách dùng từ ngữ đặc sắc.

- Thể loại **sở trường** của ông là **kí, truyện ngắn**.

- **Một số tác phẩm tiêu biểu:** Vang bóng một thời (tập truyện ngắn), Sông Đà (tùy bút),...

b. Tác phẩm

- **Xuất xứ:** Cô Tô được viết nhân một chuyến ra thăm đảo của nhà văn. VB được in trong tập Kí, xuất bản lần đầu năm 1976.

- **Thể loại:** kí

- **PTBD:** tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm.

- **Ngôi kể:** “Tôi” (chúng tôi) → là tác giả

- **Bố cục:** 4 phần

+ **P1:** Từ đầu... *quỷ khóc thần linh:* Con bão biển Cô Tô;

+ **P2:** *Ngày thứ Năm trên đảo Cô Tô... lớn lên theo mùa sóng ở đây:* Cảnh Cô Tô một ngày sau bão (điểm nhìn: trên nóc đồn biên phòng Cô Tô);

	<p>+ P3: <i>Mặt trời... nhịp cánh:</i> Cảnh mặt trời lên trên biển Cô Tô (điểm nhìn: nơi đầu mũi đảo);</p> <p>+ P4: Còn lại: Buổi sớm trên đảo Thanh Luân (điểm nhìn: cái giếng nước ngọt ở rìa đảo).</p>
--	---

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Phân tích được:

- Vẻ đẹp thiên nhiên Cô Tô
- Vẻ đẹp cuộc sống con người Cô Tô

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu HS tìm hiểu về Cơn bão trên biển Cô Tô (Thời gian, từ ngữ, nghệ thuật...) GV áp dụng kĩ thuật TRÌNH BÀY MỘT PHÚT khi tìm hiểu Cảnh Cô Tô sau cơn bão. + Nhóm 1: Chỉ ra thời gian miêu tả, vị trí quan sát, tìm những chi tiết miêu tả cảnh vật biển sau bão (bầu trời, cây, nước biển, mặt trời,...)? + Nhóm 2: Chỉ ra biện pháp nghệ thuật được Nguyễn Tuân sử dụng</p>	<p>II. Khám phá văn bản 1. Vẻ đẹp thiên nhiên Cô Tô a. Cơn bão trên biển Cô Tô * Thời gian - «Cuối canh một sang canh hai» → Buổi tối, đêm khuya → Tô đậm thêm sự nguy hiểm, khó lường của cơn bão * Từ ngữ - Động từ mạnh: liên thanh quạt lia lia, thúc, âm âm rền rền, vỡ tung, rít lên, rú lên, vây, dòn, bung hết, ép, vỡ tung - Tính từ: buốt, rát, trắng mù mù</p>

<p>trong đoạn văn miêu tả cảnh Cô Tô sau cơn bão?</p> <p>+ Nhóm 3: Chỉ ra câu văn thể hiện sự yêu mến đặc biệt của tác giả đối với Cô Tô trong đoạn văn.</p> <p>- GV đặt câu hỏi gợi dẫn tìm hiểu về Cảnh mặt trời mọc trên biển Cô Tô: Nhà văn Nguyễn Tuân đã miêu tả cảnh mặt trời mọc trên biển vào thời gian nào? Vị trí tác giả quan sát ở đâu? Cảnh mặt trời mọc và sau khi mặt trời mọc được miêu tả qua những chi tiết nào? Em hãy nhận xét về mặt nghệ thuật qua cảnh tượng này?</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>- HS trình bày</p> <p>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức</p>	<p>- Các từ, cụm từ Hán Việt: thủy tộc, quý khốc thần linh</p> <p>- Các từ liên quan chiến trận: trận địa, hỏa lực, viên đạn, băng đạn, liên thanh, thả hơi ngạt</p> <p>➔ Diễn tả sự đe dọa và sức mạnh hủy diệt của cơn bão</p> <p>* Nghệ thuật</p> <p>- <i>Chốc chốc gió ngừng ...như để thay băng đạn</i></p> <p>- <i>Mỗi viên cát... như viên đạn mũi kim</i></p> <p>- <i>Sóng thúc lẫn nhau ..như vua thủy cho các loài thủy tộc rung lên chiến trận</i></p> <p>- <i>Nó rít lên... như cái kiếu người ta thường gọi là quý khốc thần kinh</i></p> <p>- <i>Trời đất trắng ... như là kẻ thù đã bắt đầu thả hơi ngạt.</i></p> <p>➔ Nghệ thuật so sánh</p> <p>➔ Làm nổi bật lên sự quý quái, rùng rợn của những trận gió bão.</p> <p>➔ Cái nhìn độc đáo của tác giả về trận bão biển. Miêu tả cơn bão như trận chiến dữ dội, để cho thấy sự đe dọa và sức mạnh hủy diệt của cơn bão.</p> <p>b. Cảnh Cô Tô sau cơn bão</p> <p>* Thời gian miêu tả: Ngày thứ năm trên đảo Cô Tô, sau khi cơn bão đã đi qua.</p>
---	---

* **Vị trí quan sát:** Từ trên nóc đồn Biên Phòng

→ **Thời gian và điểm nhìn thuận lợi để có thể quan sát và cảm nhận được vẻ đẹp toàn cảnh của Cô Tô sau cơn bão.**

* **Cảnh vật**

- **Bầu trời** – trong trẻo, sáng sủa, trong sáng

- **Cây** - xanh mượt

- **Nước biển** - lam biếc đậm đà

- **Cát** - vàng giòn

- **Cá** - càng thêm nặng mẻ cá già đôi

→ **trong trẻo, sáng sủa**

* **Nghệ thuật**

- Liệt kê, tính từ, so sánh, từ láy, ẩn dụ chuyển đổi cảm giác, các từ ngữ chỉ mức độ ngày càng tăng.

→ **Vẻ tươi sáng, khoáng đạt, yên ả, tinh khôi và giàu tiềm năng của Cô Tô**

- **Tình cảm của tác giả:** “yêu mến như bất cứ người chài nào đã từng đi ra và lớn lên theo mùa sóng ở đây”

→ so sánh → yêu mến, thân thuộc

→ Tác giả yêu mến, gần gũi và coi Cô Tô như quê hương của mình.

→ Bức tranh thiên nhiên trên đảo Cô Tô sau trận bão hiện lên tươi sáng, phong phú, độc đáo.

c. Cảnh mặt trời mọc trên biển Cô Tô

* **Thời gian miêu tả:** Ngày thứ sáu trên đảo Thanh Luân

* **Vị trí quan sát:** Từ thấu đầu mũi đảo

→ Thời gian và điểm nhìn thuận lợi để có thể quan sát và cảm nhận được vẻ đẹp của buổi bình minh trên đảo Cô Tô

* **Trước khi mặt trời mọc**

- Chân trời, ngấn bể sạch **như** tấm tấm lau hết mây hết bụi

→ Từ ngữ gợi hình, so sánh mới lạ, độc đáo

➔ Không gian rộng lớn, phẳng lặng và vô cùng trong trẻo.

* **Trong khi mặt trời mọc**

- Mặt trời **nhú lên dần dần**, rồi lên cho kì hết.

- Tròn trĩnh phúc hậu **như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên** đầy đặn.

- **Quả trứng hồng hào** thăm thẳm và đường bệ đặt lên...

- **Như một mâm lễ phẩm** tiến ra từ trong bình minh...

* **Sau khi mặt trời mọc**

- Vài chiếc **nhạn** mùa thu **trao đi trao lại** trên mâm bể...

- **Một con hải âu bay ngang**, là là nhịp cánh...

→ **Nghệ thuật:** Tính từ, từ láy, so sánh, nhân hóa, liên tưởng độc đáo, mới lạ

	<p>→ Bức tranh thiên nhiên rộng lớn, lồng lẫ, rục rờ, kì vĩ, tráng lệ</p> <p>→ Tình yêu thiên nhiên, vẻ đẹp tài hoa và bút pháp miêu tả độc đáo của Nguyễn Tuân.</p>
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>- GV đặt câu hỏi:</p> <p>+ Em có nhận xét gì về vị trí quan sát của tác giả?</p> <p>+ Nhận xét về chi tiết Giếng nước ngọt giữa đảo</p> <p>+ Hình ảnh Châu Hòa được miêu tả như thế nào?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>HS báo cáo kết quả, nhận xét.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định.</p> <p>GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức.</p>	<p>2. Vẻ đẹp cuộc sống con người Cô Tô</p> <p>* Vị trí quan sát</p> <p>- Quanh cái giếng nước ngọt ria đảo Thanh Luân</p> <p>→ Điểm nhìn thuận lợi để có thể quan sát và cảm nhận được rõ nét cuộc sống con người trên đảo Cô Tô</p> <p>* Giếng nước ngọt giữa đảo</p> <p>- Cái giếng nước ngọt giữa đảo.</p> <p>- Rất đông người: tắm, múc, gánh nước, bao nhiêu là thùng gỗ, cong, ang, gôm, các thuyền chờ mở nắp sạp chờ đổ nước ngọt để ra khơi đánh cá.</p> <p>- Nước ngọt chỉ để uống, vo gạo thổi cơm cũng không được lấy nước ngọt → Nước ngọt rất quý.</p> <p>→ Nguồn nước ngọt sinh hoạt chính của người dân Cô Tô.</p> <p>→ Chi tiết không thể thiếu khi miêu tả Cô Tô.</p> <p>* Hình ảnh chị Châu Hòa Mãn</p>

	<p>- Hình ảnh chị Châu Hòa Mãn địu con: hình ảnh so sánh nhiều tầng bậc với các cặp so sánh:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Biển cả – người mẹ hiền + Biển cho tôm cá – mẹ mớm thức ăn cho con + Người dân trên đảo – lũ con lành của biển <p>➔ Kết thúc bằng tình yêu của tác giả với biển đảo quê hương và sự tôn vinh những người lao động trên đảo.</p>
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện nhiệm vụ. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức 	<p>III. Tổng kết</p> <p>1. Nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lối ghi chép, cách kể sự việc theo trình tự thời gian; ghi chép bằng hình ảnh để tạo ấn tượng, ngôi kể thứ nhất. - Ngôn ngữ miêu tả chính xác, giàu sức gợi, mang dấu ấn riêng. - Sử dụng phép nhân hóa, so sánh với trí tưởng tượng bay bổng, tạo ra hình ảnh vừa kì vĩ, vừa gần gũi. <p>2. Nội dung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bài văn cho thấy vẻ đẹp độc đáo của thiên nhiên và con người trên biển đảo Cô Tô. - Qua đó cho ta hiểu biết và yêu mến một vùng đất của Tổ quốc – quần đảo Cô Tô.

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

GV tổ chức trò chơi “GIẢI CỨU ĐẠI DƯƠNG”

1. Văn bản Cô Tô được viết theo thể loại nào?

A. Truyện ngắn

B. Tiểu thuyết

C. Hồi kí

D. Kí

2. Cảnh mặt trời mọc trên biển là một bức tranh

A. Yên ả và bình lặng

B. Rực rỡ và tráng lệ

C. Duyên dáng và mềm mại

D. Hùng vĩ và lẫm liệt

3. Khi tả cảnh mặt trời mọc trên biển đảo tác giả dùng chủ yếu biện pháp nghệ thuật nào?

A. Nhân hóa

B. Ẩn dụ

C. So sánh

D. Cả ba phương án trên

4. Cảnh sinh hoạt và lao động của người dân trên đảo Cô Tô diễn ra:

A. Bận rộn, vất vả

B. Khó khăn, lam lũ

C. Nhộn nhịp, khẩn trương, thanh bình

D. Nhộn nhịp, khẩn trương

5. Tên của người anh hùng lao động cởi mở chân thành và hết sức bình dị được nhắc đến trong bài văn?

A. Châu Hòa Mãn

B. Bắc Loan Đầu

C. Thanh Luân

D. Dượng Hương Thư

6. Nơi đây diễn ra cảnh sinh hoạt tấp nập, khẩn trương, nhưng cũng hết sức bình yên của những người dân là :

A. Trên biển

B. Bãi biển

C. Ngọn núi

D. Giếng nước ngọt đảo Thanh Luân

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Sản phẩm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

GV giao nhiệm vụ:

1. GV tổ chức hoạt động GÓC CHIA SẺ

- Những bức hình trên gợi cho em suy nghĩ về điều gì?



- Từ những thực trạng trên, với vai trò “sứ giả biển xanh”, em sẽ làm gì để khắc phục tình trạng đó.

2. Trong *Cô Tô*, mặt trời lúc bình minh được ví như lòng đỏ quả trứng thiên nhiên đầy đặn. Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) chỉ ra ý nghĩa của hình ảnh so sánh đó (có thể liên hệ với cách miêu tả mặt trời lúc bình minh của tác phẩm khác mà em biết).

Đoạn văn tham khảo

*Mặt trời lúc bình minh là hình ảnh không còn xa lạ trong văn chương nhưng độc đáo hơn cả vẫn là hình ảnh mặt trời mọc ví như lòng đỏ quả trứng thiên nhiên đầy đặn trong bài *Cô Tô* của Nguyễn Tuân. Vào sáng sớm, vạn vật còn chìm trong lớp sương mỏng tựa làn khói thì phía đằng đông mặt trời nhú dần lên với những tia sáng đầu tiên. Khi đất trời ngập tràn ánh sáng cũng là lúc mặt trời hiện lên tròn chĩnh như lòng đỏ của trứng thiên nhiên đầy đặn. Cách so sánh đậm chất tài hoa của tác giả đã làm cho hình ảnh mặt trời hiện lên vừa ngộ nghĩnh, đáng yêu vừa uy nghi, tráng lệ. Chỉ một hình ảnh nhỏ thôi nhưng cũng đủ để bừng lên vẻ đẹp của thiên nhiên, đất trời.*

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Rút kinh nghiệm

.....
.....
.....

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

TIẾT.....: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. Mục tiêu

1. Kiến thức

- HS nhận diện được biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh; chỉ ra được tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh trong ngữ cảnh
- HS biết sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh trong việc viết câu văn, đoạn văn.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- Năng lực nhận diện và phân tích các biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh trong ngữ cảnh;
- Năng lực sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh trong việc viết câu văn, đoạn văn.

3. Phẩm chất

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. Tiến trình dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

GV tổ chức trò chơi “NHỮNG CON CHỮ BÍ ẨN”

+ Nhân hóa

+ Ẩn dụ

+ So sánh

+ Hoán dụ

+ Điệp ngữ

+ Liệt kê

X	T	E	B	G	A	N	G	I	L
Ê	R	N	O	N	H	A	N	D	U
P	N	H	N	S	C	N	O	A	C
H	L	A	M	O	O	G	I	Đ	K
N	A	N	X	S	I	O	V	I	Y
G	K	H	B	A	S	L	D	Ê	E
T	H	O	A	N	D	U	G	P	M
H	A	A	O	H	C	K	A	N	O
A	L	I	E	T	K	E	O	G	U
N	E	G	I	U	R	T	H	U	S

GV dẫn dắt vào bài học mới:

Hoạt động 2: Củng cố kiến thức

a. Mục tiêu: Ôn lại kiến thức về so sánh, ẩn dụ

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM									
<p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV yêu cầu HS: chỉ ra điểm giống và khác nhau giữa so sánh và ẩn dụ.</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS trả lời câu hỏi</p> <p>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</p>	<p>I. Củng cố kiến thức</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th></th> <th>So sánh</th> <th>ẩn dụ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Giống nhau</td> <td colspan="2">- Đều dựa trên cơ sở liên tưởng những nét tương đồng giữa các sự vật, sự việc khác nhau.</td> </tr> <tr> <td>Khác nhau</td> <td>- So sánh thường cần đến từ so sánh hoặc dấu hiệu nhận biết phân biệt giữa các vế so sánh và vế được so sánh. - So sánh có thể ngang bằng hoặc không ngang bằng.</td> <td>- Ẩn dụ không cần từ hay dấu câu phân biệt giữa các sự vật sự việc được nêu ra. - Phép ẩn dụ giữa các sự vật sự việc thường mang ý nghĩa ngang bằng, tương đương.</td> </tr> </tbody> </table>		So sánh	ẩn dụ	Giống nhau	- Đều dựa trên cơ sở liên tưởng những nét tương đồng giữa các sự vật, sự việc khác nhau.		Khác nhau	- So sánh thường cần đến từ so sánh hoặc dấu hiệu nhận biết phân biệt giữa các vế so sánh và vế được so sánh. - So sánh có thể ngang bằng hoặc không ngang bằng.	- Ẩn dụ không cần từ hay dấu câu phân biệt giữa các sự vật sự việc được nêu ra. - Phép ẩn dụ giữa các sự vật sự việc thường mang ý nghĩa ngang bằng, tương đương.
	So sánh	ẩn dụ								
Giống nhau	- Đều dựa trên cơ sở liên tưởng những nét tương đồng giữa các sự vật, sự việc khác nhau.									
Khác nhau	- So sánh thường cần đến từ so sánh hoặc dấu hiệu nhận biết phân biệt giữa các vế so sánh và vế được so sánh. - So sánh có thể ngang bằng hoặc không ngang bằng.	- Ẩn dụ không cần từ hay dấu câu phân biệt giữa các sự vật sự việc được nêu ra. - Phép ẩn dụ giữa các sự vật sự việc thường mang ý nghĩa ngang bằng, tương đương.								

Hoạt động 3: Luyện tập

- Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.
- Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
- Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.
- Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM		
<p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV tổ chức hoạt động nhóm đôi hoàn thành bài tập 1</p> <p>Yêu cầu: hoàn thành phiếu học tập</p>	<p>Bài tập 1</p> <p>a.</p> <table border="1"> <tr> <td>quả trứng hồng hào thăm thăm, và đường bệ</td> <td>mặt trời</td> </tr> </table>	quả trứng hồng hào thăm thăm, và đường bệ	mặt trời
quả trứng hồng hào thăm thăm, và đường bệ	mặt trời		

Thời gian: 5 phút

Tên:Lớp:.....

Phiếu học tập

Điền từ ngữ vào cột bên phải tương ứng với từ ngữ ở cột bên trái để chỉ ra về ẩn của biện pháp tu từ ẩn dụ.

Quả trứng hồng hào thắm thắm, và đường bẻ
Mâm bạc
Mâm bễ
Cái chát bực nức
Tác dụng

- GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập 2

- GV tổ chức Hoạt động nhóm

YÊU CẦU:

+ **Nhóm 1+ 2:** Tìm ba câu có sử dụng BPTT **so sánh** mà Nguyễn Tuân sử dụng trong **đoạn một** của văn bản “Cô Tô” và nêu tác dụng của nó.

+ **Nhóm 3+ 4:** Tìm ba câu có sử dụng BPTT **so sánh** mà Nguyễn Tuân sử dụng trong **đoạn hai** của văn bản “Cô Tô” và nêu tác dụng của nó.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

mâm bạc	bầu trời sáng và lấp lánh
mâm bễ	mặt biển
cái chát bực nức	độ sáng và sự lấp lánh

b. BPTT: **ẩn dụ**

→ **Tác dụng:** làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt, cụ thể ở đây là tăng vẻ đẹp cho hình ảnh thiên nhiên ở Cô Tô, từ đó cho thấy tình yêu thiên nhiên, yêu biển đảo quê hương của nhà văn Nguyễn Tuân

Bài tập 2

a. Mỗi viên cát bắn vào má vào gáy lúc này buốt như một viên đạn mũi kim.

→ **BPTT: so sánh**

→ **Tác dụng:** Làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt. Cụ thể là làm rõ và cụ thể hóa cảm giác bị cát bắn vào mặt. Từ đó cho thấy sự dữ dội của cơn bão ở Cô Tô.

b. Hình như gió bão chờ chúng tôi lọt hết vào trận địa cánh cung bãi cát, rồi mới tăng thêm hỏa lực của gió.

→ **BPTT: ẩn dụ**

+ “trận địa cánh cung”: sự nguy hiểm của bão biển, cát bay mạnh, rất nguy hiểm.

+ “gió tăng thêm hỏa lực”: gió tăng tốc độ, rất mạnh

- HS trình bày sản phẩm thảo luận
- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

➔ **Tác dụng:** Làm tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt. Ngâm ví trận bão biển dữ dội như một trận chiến đấu thực sự. Nhấn mạnh tính chất ghê gớm, sự tàn phá của bão biển.

Bài tập 3

*** Đoạn 1 :**

- Mỗi viên cát bắn vào má vào gáy lúc này buốt như một viên đạn mũi kim

➔ **Sự nguy hiểm của bão biển**

- Sóng thúc lẫn nhau mà vào bờ âm âm rền rền như vua thủy cho các loài thủy tộc rung thêm trống trận.

➔ **Tăng thêm sự dữ dội của các đợt sóng**

- Nó rít lên rú lên như cái kiêu người ta vẫn thường gọi là quỷ khóc thần linh

➔ **Sự kì quái, ghê rợn, đáng sợ**

*** Đoạn 2 :**

- Sau trận bão, chân trời, ngấn bể sạch như tấm kính lau hết mây, hết bụi.

➔ **Cách so sánh cho người đọc hình dung một không gian trong veo, gợi một cảm giác nhẹ nhõm và tinh khiết.**

- Mặt trời nhú lên dần dần, rồi lên cho kì hết. Tròn trĩnh phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn.

➔ **Thấy được sự ngộ nghĩnh, độc đáo đồng thời cũng rất trang trọng, linh thiêng**

	<p>- Cái giếng ngọt ở rìa một hòn đảo giữa biển, cái sinh hoạt của nó vui như một cái bển và đậm đà mát nhẹ hơn mọi cái chợ trong đất liền</p> <p>→ Cuộc sống nhộn nhịp, sôi động</p>
--	--

Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học thực hiện yêu cầu

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ: **TIẾP SỨC ĐỒNG ĐỘI:** Viết một đoạn văn khoảng 5-7 câu miêu tả cảnh thiên nhiên mà em ấn tượng trong đó có sử dụng biện pháp so sánh hoặc ẩn dụ.

Đoạn văn tham khảo

Đối với em, biển là một cảnh đẹp thiên nhiên tuyệt vời nhất, đặc biệt là khoảnh khắc bình minh trên biển. Vào lúc sáng sớm, khi mà màn đêm đen vẫn còn vẫn vương trên tán lá dừa thì mặt trời đột ngột xuất hiện, nhô lên từ lòng biển. Nó tỏa ra thứ ánh sáng đỏ rực, sáng chói, xua tan đi bóng tối. Dưới thứ ánh sáng kì diệu ấy, cả mặt biển như một tấm gương, lóng lánh màu đỏ rực. Cùng với đó, là thứ âm thanh nhịp nhàng, đều đặn, rì rào của sóng biển giống như bản nhạc của mẹ thiên nhiên đang cố đánh thức mọi người vào buổi sáng sớm. Đàng xa, những hàng dừa cao vút cũng vùng vẫy những cánh tay dài để đón chào bình minh tới. Cứ như thế, một ngày mới lại bắt đầu trên bãi biển bình yên, thơ mộng.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Rút kinh nghiệm

.....

.....

.....

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

TIẾT.....: Hang Én

Hà My

I. Mục tiêu

1. Kiến thức

- HS nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất của bài kí *Hang Én*
- HS nhận biết được vẻ đẹp nguyên sơ của thiên nhiên trong vùng lõi Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng. Vẻ đẹp đó khiến con người vừa ngỡ ngàng vừa thần phục, nó đánh thức bản tính tự nhiên, khát vọng hòa đồng với tự nhiên của con người
- HS nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB, cụ thể: cách dùng biện pháp tu từ, cách tạo dựng không gian nghệ thuật, việc sử dụng các chi tiết miêu tả,...

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v...

b. Năng lực riêng:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Hang Én*
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Hang Én*
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của VB với các VB có cùng chủ đề.

- HS nhận biết được vẻ đẹp nguyên sơ của thiên nhiên trong vùng lõi Vườn quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng. Vẻ đẹp đó khiến con người vừa ngỡ ngàng vừa thán phục, nó đánh thức bản tính tự nhiên, khát vọng hòa đồng với tự nhiên của con người

- HS nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ VB, cụ thể: cách dùng biện pháp tu từ, cách tạo dựng không gian nghệ thuật, việc sử dụng các chi tiết miêu tả,...

3. Phẩm chất:

- Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương, xứ sở.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Các phương tiện kỹ thuật
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. Tiến trình dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

GV đặt câu hỏi gợi dẫn vào bài: Hang động nào lớn nhất thế giới? và chiếu hình ảnh hang Sơn Đoong.

→ Được khám phá lần đầu bởi một người dân địa phương vào khoảng những năm 1990 và được chính thức phát hiện và khám phá trở lại vào năm 2009; Hang Sơn Đoòng – hiện đang giữ danh hiệu hang động lớn nhất hành tinh, đã gây chấn động thế giới với kích thước khổng lồ đến khó tin với những kiến tạo hang động độc đáo mang tầm kỳ quan thế giới.

- **GV dẫn dắt vào bài mới:** Trong tiết học trước, chúng ta đã tìm hiểu về thể loại kí qua VB *Cô Tô* của Nguyễn Tuân. Trong tiết học này, chúng ta tiếp tục tìm hiểu thể loại kí qua VB *Hang Én*.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung

- a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS			DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Thao tác 1: đọc- chú thích			I. Đọc- Tìm hiểu chung 1. Đọc- chú thích a. Đọc b. Chú thích - Rừng nguyên sinh: rừng tự nhiên, chưa bị khai thác - Tờ- róc- king: leo núi, đi bộ thám hiểm. - Hồ điệp: con bướm - Ra ràng: (chim non), mọc đủ lông, đủ cánh, có thể tập bay - Thương hải tang điền: chỉ những biến đổi lớn lao
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ			
Gv gọi HS đọc trước lớp, các bạn còn lại lắng nghe và đánh giá bài đọc của bạn dựa theo mẫu bảng sau:			
Tiêu chí	Đạt	Không đạt	
Đọc to, rõ ràng, trôi chảy			
Đọc đúng, không thêm từ, bớt từ.			

<p>Tốc độ, âm lượng đọc phù hợp.</p>		<ul style="list-style-type: none"> - Nhũ đá: thạch nhũ, mọc từ trần hang xuống. - Măng đá: chất đá vôi kết đọng hình măng, nón thấp thỏm - Hồ- oát Lim-bơ: chuyên gia hiệp hội hang động Hoàng Anh Gia Lai
<p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>- HS theo dõi sgk</p> <p>- GV quan sát, hỗ trợ</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá</p>		
<p>Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>+ GV đặt câu hỏi: nêu hiểu biết của em về tác giả Hà My và tác phẩm “Hang Én”</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>- HS trả lời câu hỏi</p>	<p>2. Tìm hiểu chung</p> <p>a. Xuất xứ:</p> <p>- Trích dẫn văn bản viết giới thiệu về hang Én trên trang thông tin điện tử Sở Du lịch Quảng Bình, 14/10/2020</p> <p>- Tác giả: Hà My.</p> <p>b. Thể loại: du kí</p> <p>- Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm</p> <p>- Ngôi kể thứ nhất: “Tôi” → là tác giả</p> <p>- Trình tự kể:</p> <p>+ Không gian: Từ ngoài vào trong, hành trình khởi đầu từ con dốc Ba Giàn, đến</p>	

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức

thung lũng **Rào Thương** để đến với **Hang Én**.

+ **Thời gian:** từ sáng khi hành trình bắt đầu, đến khi **bóng tối** bao trùm xuống Hang Én.

- **Bố cục: 2 phần chính:**

+ **Phần 1:** Từ đầu... *lòng hang chính*: Hành trình đi đến hang Én;

+ **Phần 2:** Còn lại: Khám phá vẻ đẹp bên trong hang Én:

- **Ý nghĩa nhan đề**

+ Hang có nhiều én sinh sống.

+ Ghi chép lại hành trình tìm hiểu, khám phá hang Én- một địa danh du lịch khám phá nổi tiếng, đây là hang động lớn thứ ba thế giới tại Quảng Bình. Từ đó, tác giả bộc lộ cảm xúc, tâm trạng của mình.

- **Tóm tắt:** Văn bản miêu tả lại hành trình khám phá Hang Én đầy mới mẻ và thú vị của tác giả. Đường tới hang Én phải xuyên qua rừng nguyên sinh, vượt qua nhiều đoạn dốc cao ngoằn ngoèo, lội qua bao nhiêu quãng sông suối. Hành trình khởi đầu từ con dốc Ba Giàn dài gần 2km, dốc cao và gập ghềnh. Đi hết dốc Ba Giàn là tới thung lũng Rào Thương. Con đường qua thung lũng trải theo tiếng suối róc rách, thích nhất là lội qua suối. Hang Én có ba cửa lớn: cửa

	<p>trước có hai lớp, vòm cửa ngoài dẫn vào một sảnh chờ, cửa trong lại thấp hẹp. Lòng hang Én rất rộng, có thể chứa được hàng trăm người. Trong hang Én, hàng vạn con Én hồn nhiên cư ngụ và chưa biết sợ người. Vòng ra sau hang Én, bạn sẽ thấy hàng trăm dải đá san hô uốn lượn. Trời tối, khoảng trời phía trên cửa hang thứ hai vẫn sáng nên có thể nhìn rõ từng đàn én chao liệng. Năm giờ, cả lòng hang Én sáng bừng, trên mặt sông nắng hòa với hơi nước mỏng, tan thành khói mơ...</p>
--	---

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Phân tích được:

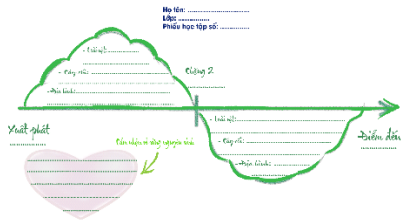
- Hành trình khám phá Hang Én
- Vẻ đẹp của Hang Én
- Tâm trạng của du khách
- Thông điệp của tác giả

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV chia lớp thành 3 nhóm thảo luận, hoàn thành PHIẾU HỌC TẬP</p>	<p>II. Khám phá văn bản</p> <p>1. Hành trình khám phá Hang Én</p> <p>* Chặng 1: ĐỐC BA GIÀN</p> <p>- Địa hình: dốc cao và gập ghềnh, đường nhỏ hẹp, trơn trượt, cây đổ chắn ngang đường, rậm rạp</p>



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS trình bày

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức

- **Cây cối:** cây cổ thụ tán cao vút, thân dày các loại tầm gửi, phong lan nở hoa...

- **Loài vật:** sên, vắt, côn trùng, chim chóc

*** Chặng 2: THUNG LŨNG RÀO THƯƠNG**

- **Địa hình:** thấp trũng như thung lũng, suối...

- **Cây cối:** thảm cỏ, cây cối rậm rạp...

- **Loài vật:** chim kêu đủ giọng, đàn cá bơi liêu xiêu, đàn bướm đủ màu đậu thành từng vạt như đám hoa...

* **Hang én (ĐIỂM ĐẾN)**

* **Cách thức di chuyển: đi bộ**

➔ Nghệ thuật

Các phép tu từ: liệt kê, so sánh: Đàn bướm đậu với “đám hoa ai ngẫu hứng xếp trên mặt đất”; từ ngữ miêu tả gợi cảm: “róc rách, rậm rậm, liêu xiêu, ...” tạo ra các chi tiết miêu tả đặc sắc, hấp dẫn.

Cảm xúc háo hức, mê say, ngạc nhiên, bất ngờ của người lần đầu đặt chân tới nơi đây.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- **GV đặt câu hỏi:**

+ Hình dáng, Kích thước của hang Én được miêu tả như thế nào? Cách miêu tả đó có ý nghĩa như thế nào?

2. Vẻ đẹp của Hang Én

a. Hình dáng, kích thước

- **Hình dáng:**

+ Hang Én giống như cái tổ khổng lồ mà Mẹ Thiên Nhiên ban tặng với không gian trú ẩn, nước, không khí, ánh sáng...

<p>+ Đường vào hang gồm có mấy cửa, mỗi cửa được miêu tả như thế nào</p> <p>+ Cảnh vật trong hang ến được miêu tả như thế nào?</p> <p>+ Nhà văn đã kết hợp các biện pháp nghệ thuật gì khi miêu tả cảnh hang ến?</p> <p>+ Vẻ đẹp của hang chính được vẽ lên bởi những cảnh vật nào?</p> <p>+ Hãy liệt kê những câu thơ miêu tả vẻ đẹp của những khối đá trong Hang ến? Nghệ thuật nào đã được tác giả sử dụng thành công nhất trong nội dung này?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>HS báo cáo kết quả, nhận xét.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định.</p> <p>GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức.</p>	<p>+ Trần hang đẹp như mái vòm của một thánh đường...</p> <p>→ Sử dụng từ ngữ độc đáo “Mẹ Thiên Nhiên” → sự gần gũi, lòng biết ơn với TN</p> <p>→ Cách so sánh → sự hoang sơ, kì vĩ, trang nghiêm của Hang ến</p> <p>- Kích thước</p> <p>+ Rộng nhất là 110m²</p> <p>+ Cao nhất là 120m</p> <p>+ Sông ở hang chính len lỏi qua hang ngầm khoảng 4 km</p> <p>→ Số liệu cụ thể → hình dung sự rộng lớn, bao la của Hang ến > < con người trở nên nhỏ bé.</p> <p>b. Đường vào Hang ến</p> <p>- Hang có 3 cửa lớn</p> <p>+ Cửa trước: có 2 lớp, vòm cửa ngoài dẫn vào một sảnh chờ rộng rãi, cửa hang thấp, hẹp, sát ngay dải sông ngầm; muốn qua hang phải trèo qua sông rồi trèo ngược vách đá hiểm trở, cao mấy chục mét; vịn đá lần xuống chân dốc, ngồi bè qua sông đến lòng hang chính...</p> <p>+ Cửa thứ hai: Thông lên mặt đất như cái giếng trời khổng lồ</p> <p>+ Cửa sau: Ở phía sau của Hang ến, cũng cao hơn 100m, là nơi dòng sông ra khỏi lòng hang và dẫn lối đến Sơn Đoòng</p>
---	---

c. Vẻ đẹp trong hang chính

- Cảnh vật:

- + Bờ sông cát mịn thoải dần
- + Nước mát lạnh, trong veo, đáy toàn sỏi, đá bào nhẵn

- Đàn chim én

- + Hàng **vạn** con chim én hồn nhiên cư ngụ và chưa phải biết sợ con người
- + Bón vách hang dày đặc chim én, **cộng đồng én sống thoải mái “cuộc đời”** của chúng.

+ **Én bố mẹ** tập nập đi về, mái mốt móm mời cho con

+ **Én con anh chị** rập rờn bay đôi; én ra rang chấp chới vỗ cánh bên rìa hốc đá

+ **Én thiếu nhi** ngủ nướng, say giấc trên mỏm đá

+ Có chú én tò mò bay xuống bàn ăn bị thương, khi quen mắt với ánh đèn ung dung mổ com ăn; thân nhiên đi lại quanh lều

- Nghệ thuật:

+ Nhân hóa, liệt kê: hồn nhiên, én bố mẹ, én anh chị, én thiếu nhi, ngủ nướng, ung dung...

+ Sử dụng nhiều từ láy: tập nập, mái mốt, rập rờn, chấp chới

→ Sự bình yên, thanh bình, hòa quyện, thân thiết giữa con người với thiên nhiên

	<p>→ Tình yêu thiên nhiên của tác giả</p> <p>d. Vẻ đẹp của đá trong Hang Én</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hàng trăm dải đá san hô uốn lượn thành bao nhiêu tầng, bậc lớn nhỏ. - Nhũ đá, măng đá, ngọc động giăng đầy bên những vách núi, sàn hang... - Mỗi xen-ti-mét đá kia phải qua cả trăm triệu năm bào mòn hay bồi đắp nên. <p>→ Nghệ thuật: liệt kê, so sánh, lối nói cường điệu</p> <p>→ Những khối đá từ vật vô tri vô giác nay trở thành những vật thể có sự sống, sinh thành, biến hóa qua chiều dài lịch sử... → Tình cảm, sự cảm nhận tinh tế của tác giả</p>
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đặt câu hỏi: Những du khách tới đây có tâm trạng như thế nào? Hãy nêu những từ ngữ, câu văn thể hiện tâm trạng đó. <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>HS báo cáo kết quả, nhận xét.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định.</p> <p>GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức.</p>	<p>3. Tâm trạng của du khách</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chậm rãi ngắm nhìn và suy tư về đá - Hòa đồng với chim én - Chiêm ngưỡng vẻ đẹp của nước, cát, bầu trời, nắng, hơi nước... - Hòa mình với tự nhiên một cách hồn nhiên <p>→ Yêu thích, cảm phục, ngưỡng vọng, kết giao với tự nhiên, cảm thấy được sống «an nhiên» trong vòng tay của «Mẹ Thiên Nhiên»</p> <p>→ Không làm cho người đọc khiếp sợ tự nhiên mà còn truyền thêm niềm vui sống, tình yêu với tự nhiên.</p>

<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV tổ chức hoạt động CÂY CẢM XÚC: hãy rút ra thông điệp của tác giả và gắn lên cây. <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>HS báo cáo kết quả, nhận xét.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định.</p> <p>GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức.</p>	<p>4. Thông điệp của tác giả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nâng niu, trân trọng tự nhiên - Yêu thiên nhiên - Tự hào về những kì quan đất nước - Hãy khám phá vẻ đẹp của tạo hóa
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện nhiệm vụ. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức 	<p>III. Tổng kết</p> <p>1. Nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngôn ngữ tinh tế - Các so sánh táo bạo, bất ngờ, giàu trí tưởng tượng, kết hợp sử dụng nhiều BPTT: liệt kê, nhân hóa... - Lời văn giàu cảm xúc <p>2. Nội dung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẻ đẹp hoang dã, nguyên sơ của thiên nhiên vùng lõi Vườn quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng. - Tình cảm, sự gắn gũi, hòa quyện của con người với thiên nhiên

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

GV tổ chức trò chơi “GIẢI CỨU RỪNG XANH”

Câu 1: Cách di chuyển tới hang Én là?

→ Đi bộ

Câu 2: Hang Én thuộc quần thể di sản thiên nào?

→ Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng

Câu 3: Hành trình khám phá hang Én khởi đầu từ địa điểm nào?

→ Dốc Ba Giàn

Câu 4: Rào Thương là tên của...?

→ Một thung lũng cũng là một con suối

Câu 5: Câu “Chúng đậu thành từng vạt như đám hoa lá ai ngẫu hứng xếp trên mặt đất” nói về đối tượng nào?

→ Đàn bướm

Câu 6: Hang Én được ví như cái tổ khổng lồ và an toàn do ai ban tặng?

→ Mẹ Thiên Nhiên

Câu 7: Trần của hang Én được so sánh với cái gì?

→ Mái vòm của một thánh đường

Câu 8: Tộc người nào được nhắc đến trong văn bản “Hang Én”

→ A- rem (Chút)

Câu 9: Trong văn bản “Hang Én”, có nhiều hình ảnh về gia đình chim én.

Em hãy liệt kê ít nhất một hình ảnh đó?

→ Én bố mẹ tập nập đi về, én anh chị rập rờn bay đôi...

Câu 10: Hình ảnh dải đá san hô được so sánh với hình ảnh nào?

→ Thửa ruộng bậc thang mùa nước đổ

Câu 11: Hình ảnh nào khiến tác giả lầm tưởng là người ta bật điện?

→ Luồng năng ban mai.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Sản phẩm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

GV giao nhiệm vụ: Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) nêu cảm nhận của em về hang Én.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Rút kinh nghiệm

.....

.....

.....

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

TIẾT.....: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. Mục tiêu

1. Kiến thức

- HS nhận biết được công dụng của dấu ngoặc kép, dấu phẩy, dấu gạch ngang trong câu văn, đoạn văn
- HS nhận diện được các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa trong VB văn học và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ đó.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt

- HS nhận biết được công dụng của dấu ngoặc kép, dấu phẩy, dấu gạch ngang trong câu văn, đoạn văn
- HS nhận diện được các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa trong VB văn học và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ đó.

3. Phẩm chất

- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. Tiến trình dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: GV trình bày vấn đề.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

GV tổ chức cho HS làm bài tập nhanh: *Hãy điều chỉnh dấu câu thích hợp vào truyện cười dưới đây và giải thích lí do. (Điều chỉnh chữ viết hoa, nếu cần thiết)*

Một người đi đường thấy Nicky đi cùng một chú chó, bèn hỏi chó của cháu có cắn người không? Nicky đáp chó nhà cháu không cắn ai bao giờ cả. Người khách liền đưa tay vuốt ve con chó nhưng bị nó đớp ngay một miếng. Bực mình, ông khách nói sao cháu bảo chó nhà cháu không cắn ai? Vâng, thì đúng như vậy. Nhưng đây đâu phải là con chó của nhà cháu.

(Truyện cười thế giới)

→ Đáp án:

Một người đi đường thấy Nicky đi cùng một chú chó, bèn hỏi: -“Chó của cháu có cắn người không”? Nicky đáp: -“Chó nhà cháu không cắn ai bao giờ cả”. Người khách liền đưa tay vuốt ve con chó nhưng bị nó đớp ngay một miếng. Bực mình, ông khách nói: -“Sao cháu bảo chó nhà cháu không cắn ai? - “Vâng, thì đúng như vậy. Nhưng đây đâu phải là con chó của nhà cháu”.

(Truyện cười thế giới)

GV dẫn dắt vào bài học mới: *Tiết học hôm nay, chúng ta tiếp tục tìm hiểu về dấu ngoặc kép, dấu phẩy, dấu gạch ngang trong câu, đoạn văn và luyện tập phân tích các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa.*

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

a. Mục tiêu: HS nắm được khái niệm, tác dụng của dấu ngoặc kép, dấu phẩy, dấu gạch ngang; nêu và phân tích các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>GV đặt câu hỏi: Em hãy nêu vị trí và công dụng của dấu ngoặc kép, dấu phẩy, dấu gạch ngang.</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS trả lời câu hỏi</p> <p>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</p> <p>Phân biệt dấu gạch ngang và dấu gạch nối</p> <p>- Dấu gạch nối không phải là một dấu câu. Nó chỉ dùng để nối các tiếng trong những từ mượn gồm nhiều tiếng.</p> <p>- Dấu gạch nối ngắn hơn dấu gạch ngang</p>	<p>I. Hình thành kiến thức</p> <p>1. Dấu ngoặc kép «»</p> <p>- Vị trí: đứng ở mọi vị trí trong câu</p> <p>- Công dụng:</p> <p>+ Trích lời dẫn trực tiếp</p> <p>+ Từ ngữ hiểu theo nghĩa đặc biệt</p> <p>+ <i>Đánh dấu tên tác phẩm được dẫn</i></p> <p>- <i>Ví dụ: Người xưa có câu: “Trúc đầu cháy, đốt ngay vẫn thẳng”.</i></p> <p>2. Dấu phẩy ,</p> <p>- Vị trí: đứng ở giữa câu</p> <p>- Công dụng:</p> <p>+ Ngăn cách trạng ngữ của câu với chủ ngữ và vị ngữ</p> <p>+ Ngăn cách các bộ phận có cùng chức vụ trong câu</p> <p>+ Ngăn cách một từ ngữ với bộ phận chú thích của nó.</p> <p>+ Ngăn cách các vế của một câu ghép.</p> <p>- <i>Ví dụ: Nhung, Hồng, Trang đều là những cán bộ lớp gương mẫu.</i></p> <p>3. Dấu gạch ngang -</p> <p>- Vị trí: đứng ở đầu câu và giữa câu</p> <p>- Công dụng:</p>

	<ul style="list-style-type: none"> + Đặt ở giữa câu để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu. + Đặt ở đầu câu để đánh dấu lời dẫn trực tiếp của nhân vật hoặc để liệt kê. + Nói các từ nằm trong một liên danh - <i>Ví dụ: Và ông không tìm được, ôm thốc Mèo lên:</i> - <i>Ôi, con đã cho bố một bất ngờ quá lớn.</i>
--	--

Hoạt động 3: Luyện tập

- a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.
- b. **Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
- c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS làm bài tập 1,3,4,5,6 - GV chia 3 nhóm hoàn thành bài tập 2 + Nhóm 1: Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong hình ảnh "bình minh vàng" + Nhóm 2: Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong hình ảnh "vàng trắng bạc" . + Nhóm 3: Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó. 	<p>Bài tập 1</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Dấu ngoặc kép dùng để đánh dấu từ ngữ đặc biệt. → “Ngược dòng” vốn nói về dòng nước nhưng Hà My lại dùng để nói về dòng thời gian, dòng lịch sử nhằm nhấn mạnh vẻ đẹp hoang dại, nguyên sơ của rừng nguyên sinh. b. Dấu ngoặc kép dùng để đánh dấu từ ngữ đặc biệt. → Nghĩa thông thường của “<i>sảnh chờ</i>”: phòng lớn dùng làm nơi tiếp khách, là nơi để tạm dừng, chờ cho việc đi lại tiếp theo.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- HS trình bày sản phẩm thảo luận

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

- Trong câu văn: không gian hang ngoài của hang
Én rộng và đẹp giống như sảnh chờ.

Bài tập 2

a. Tác dụng của:

- Dấu phẩy:

+ Dấu phẩy (1): Ngăn cách thành phần phụ của câu với bộ phận chính.

+ Dấu phẩy (2) (3) Ngăn cách các từ ngữ có cùng chức vụ trong câu.

- Dấu ngoặc kép: đánh dấu từ ngữ được hiểu theo cách đặc biệt.

- Dấu gạch ngang: là thành phần phụ chú cho thành phần đứng trước nó là “bàn chân mỏng, ngón dẹt”

b. Tác dụng của:

- Dấu phẩy:

+ Dấu phẩy (1)(3): ngăn cách thành phần chú thích với thành phần chính (ở đây là chủ ngữ, vị ngữ của câu).

+ Dấu phẩy (2): ngăn cách thành phần 2 chú thích của câu.

+ Dấu phẩy (4) (5): Ngăn cách các từ ngữ có cùng chức vụ trong câu.

- Dấu ngoặc kép:

+ “Sóng” được để trong ngoặc kép trong .Dấu ngoặc kép đánh dấu từ ngữ hiểu theo nghĩa đặc biệt.

	<p>- Dấu gạch ngang: “xen-ti-mét”: phiên âm từ tiếng nước ngoài.</p> <p>Bài tập 3</p> <p>- Văn bản Cô Tô:</p> <p>+ Anh quảy 15 gánh cho thuyền anh : “Đi ra khơi, ..bằng nước biển thôi”</p> <p>- Tác dụng khi sử dụng: trích dẫn lời nói được thuật lại theo lối trực tiếp.</p> <p>- Văn bản Hang Én:</p> <p>+ “thương hải tang điền” → Đánh dấu từ ngữ hiểu theo nghĩa đặc biệt.</p> <p>- Tác dụng khi sử dụng ngầm ý nói sự thay đổi từ biển sang hang động còn để lại dấu tích ở các hóa thạch.</p> <p>Bài tập 4</p> <p>a. - Biện pháp tu từ: nhân hóa. Chim én được gọi bằng “chú”.</p> <p>b. - Biện pháp tu từ: nhân hóa. Chim én được miêu tả với những từ ngữ, cử chỉ, điệu bộ như con người : “thản nhiên”, “đi lại”.</p> <p>→ Tác dụng: làm cho con chim én được miêu tả trở nên gần gũi, sống động, quen thuộc như những người bạn.</p>
--	--

Hoạt động 4: Vận dụng

- a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học thực hiện yêu cầu
- b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.
- c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ: **Hoàn thành Bài tập 5**

a. - Biện pháp tu từ: nhân hóa. Gọi chim én là “bạn”, cũng phân chia thành các độ tuổi và tính cách như con người: “thiếu niên”, “ngủ nướng”, “say giấc”.

→ **Tác dụng:** làm cho con chim én được miêu tả trở nên gần gũi, sống động.

b. - Biện pháp tu từ: so sánh. Vẻ đẹp của đàn bướm khi đậu trên mặt đất được ví với hoa lá được ai ngẫu hứng trên mặt đất.

→ **Tác dụng:** tăng sức gợi cho sự miêu tả, diễn đạt hình ảnh đàn bướm đậu thành từng vạt đẹp, rực rỡ như hoa lá và cho thấy cảm xúc của người viết trước vẻ đẹp.

c. - Biện pháp tu từ: so sánh. So sánh cửa thứ hai ở hang Én thông lên mặt đất cao, rộng, sáng như giếng trời khổng lồ.

→ **Tác dụng:** giúp cho đối tượng so sánh trở nên cụ thể hóa, dễ hình dung, tăng sức gợi hình gợi cảm cho sự diễn đạt, *tạo cảm giác choáng ngợp trước không gian sáng rộng và trong trẻo.*

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Rút kinh nghiệm

.....

.....

.....

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

TIẾT.....: **Cửu Long Giang ta ơi**

Nguyễn Hồng

I. Mục tiêu

1. Kiến thức

- HS nhận biết được tình yêu, niềm tự hào về quê hương, đất nước của nhà thơ thể hiện qua ngôn ngữ VB, cụ thể là nhịp điệu thơ, cách dùng biện pháp tu từ, cách sáng tạo hình ảnh,...

2. Năng lực

a. Năng lực chung:

- Hướng học sinh trở thành người đọc độc lập với các năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác, v.v...

b. Năng lực riêng:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Cửu Long Giang ta ơi*
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Cửu Long Giang ta ơi*
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề.

3. Phẩm chất:

- Giúp HS rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: Nhân ái, yêu thương gia đình, cuộc sống.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Các phương tiện kỹ thuật
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. Tiến trình dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS chia sẻ kinh nghiệm của bản thân.

c. Sản phẩm: Những suy nghĩ, chia sẻ của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

GV tổ chức CÂU ĐÓ VUI:

- Sông gì tên một loài hoa

Ngàn năm đỏ sắc phù sa sớm chiều?

→ **Sông Hồng**

- Sông gì gợi nhớ gợi yêu

Bao nhiêu tình nghĩa, bao nhiêu mong chờ?

→ **Sông Thương**

- Sông gì đẹp tựa bức tranh

Cổ đô soi bóng tên thành nhạc, thơ?

→ **Sông Hương**

- Sông gì chẳng thể nổi lên

Bởi tên của nó gắn liền dưới sâu?

→ **Sông Đáy**

- Sông gì đỏ nặng phù sa

Sông gì lại được hóa ra chín rồng?

→ **Sông Cửu Long**

- **GV dẫn dắt vào bài mới:** Giờ học trước, chúng ta được tìm hiểu, khám phá vẻ đẹp của vùng biển đảo Cô Tô, phía đông Bắc của tổ quốc. Nếu như VB ấy là dòng bút kí đặc sắc, thì VB hôm nay là một áng thơ. Bài thơ “Cửu Long Giang ta ơi” sẽ giúp chúng ta tìm hiểu về vẻ đẹp của dòng sông Cửu Long ở Nam Bộ. Thiên nhiên và con người Nam Bộ mang vẻ đẹp gì dưới ngòi bút của nhà thơ Nguyễn Hồng. Cô trò ta cùng khám phá!

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung

- a. Mục tiêu:** Nắm được thông tin về tác giả, tác phẩm.
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Thao tác 1: đọc- chú thích</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gv gọi 2 học sinh đọc VB trước lớp - GV giải thích những từ khó. - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện nhiệm vụ. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS theo dõi sgk - GV quan sát, hỗ trợ <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động</p>	<p>I. Đọc- Tìm hiểu chung</p> <p>1. Đọc- chú thích</p> <p>a. Đọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV gọi 2 học sinh đọc văn bản trước lớp. - Giọng đọc: khi sôi nổi, hào hứng, khi chậm rãi, trầm lắng, suy tư <p>b. Chú thích</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gậy thần tiên: hình ảnh ẩn dụ chỉ cây thước của thầy giáo. - Đạo sĩ: chỉ người thầy được ngưỡng mộ trong mắt học trò. - Ngọn ngút: hơi nóng bốc lên và tỏa ra không ngớt.

<p>- GV nhận xét, đánh giá</p> <p>Thao tác 2: Tìm hiểu về tác giả, tác phẩm</p> <p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV yêu cầu HS tìm hiểu những nét khái quát về tác giả Nguyễn Hồng và bài thơ “Cửu Long Giang ta ơi”.</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>- HS trả lời câu hỏi</p> <p>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức</p>	<p>- Phù sa: đất, cát nhỏ, mịn cuốn trôi theo dòng sông hoặc lắng đọng lại ở bờ sông, bãi bồi</p> <p>2. Tìm hiểu chung</p> <p>a. Tác giả:</p> <p>- Nguyễn Hồng (1918 - 1982), tên thật là Nguyễn Nguyên Hồng; sinh ra ở Nam Định, sống ở Hải Phòng</p> <p>- Ngôi bút của ông luôn hướng về những người cùng khổ, đặc biệt là phụ nữ và nhi đồng. Khi viết về họ, ông tỏ rõ niềm yêu thương sâu sắc, mãnh liệt và lòng trân trọng</p> <p>- Là nhà văn hiện thực xuất sắc, tự học mà thành tài</p> <p>b. Tác phẩm</p> <p>* Hoàn cảnh sáng tác</p> <p>- Bài thơ được sáng tác 1960, in trong tập thơ “Trời xanh”.</p> <p>* Thể loại: thơ tự do</p> <p>* Phương thức biểu đạt: biểu cảm</p> <p>* Chủ thể trữ tình: Nhân vật “ta”</p> <p>* Bố cục:</p> <p>+ Từ đầu... hai ngàn cây số mệnh mông: Hình ảnh sông Mê Kông trong những ngày đi học</p>
---	---

	<p>+ Tiếp... không bao giờ chia cắt: Hình ảnh sông Mê Kông gắn liền với những sinh hoạt lao động;</p> <p>+ Còn lại: Chủ thể trữ tình nhìn sự đổi thay hiện tại và nhớ lại kỷ niệm xưa.</p>
--	--

Hoạt động 2: Khám phá văn bản

a. Mục tiêu: Phân tích được:

- Hình ảnh «tám bản đồ rực rỡ»
- Vẻ đẹp dòng sông Mê Kông
- Hình ảnh người nông dân Nam Bộ
- Tình cảm của tác giả

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV đặt câu hỏi: Em hình dung như thế nào về “tám bản đồ rực rỡ”? Nhân vật trong bài thơ có cảm xúc như thế nào khi nhìn tám bản đồ ấy?</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>- HS trình bày</p> <p>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p>	<p>II. Khám phá văn bản</p> <p>1. Hình ảnh «tám bản đồ rực rỡ»</p> <p>- Bối cảnh xuất hiện: trong tiết Địa lí mà thầy giáo trẻ dạy</p> <p>- Tám bản đồ: hình thái đất nước, núi sông, biển đảo, các vùng miền, vị trí địa lí, ranh giới..</p> <p>→ Tượng trưng cho tột quốc thiêng liêng</p> <p>- Tám bản đồ rực rỡ: một không gian mới, một thế giới mới với nhiều vùng đất gần xa, trong đó có dòng sông Mê Kông.</p> <p>- Hình ảnh người thầy: trở nên diệu kì như có phép lạ nâng cánh ước mơ của học trò.</p>

<p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức</p>	<p>➔ Niềm tự hào, hứng khởi, háo hức, say mê, tò mò, khao khát khám phá núi sông Tô quốc</p>
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>- GV đặt câu hỏi:</p> <p>+ Em hãy tìm những chi tiết miêu tả vẻ đẹp của dòng sông Mê Kông.</p> <p>+ Nhân vật ta trong đoạn trích có những suy nghĩ và hành động như thế nào?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>HS báo cáo kết quả, nhận xét.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định.</p> <p>GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức.</p>	<p>2. Vẻ đẹp dòng sông Mê Kông</p> <p>* Vẻ đẹp dữ dội, hùng vĩ, hoang sơ ở thượng nguồn dòng sông:</p> <p>- Thời gian: trưa hè ngun ngút.</p> <p>- Cảnh vật quanh sông: cây lao đá đỏ, bao bọc bởi các loại cây như lan hoang, dứa mật, thông nhựa.</p> <p>+ Dòng chảy: Chảy qua dãy Trường Sơn, thác Khôn.</p> <p>* Vẻ đẹp êm đềm, trù phú, tràn trề nhựa sống của chín nhánh Mê Công:</p> <p>- Thời gian: sáng mùa thu</p> <p>- Vẻ đẹp thiên nhiên trên sông:</p> <p>+ Liệt kê: bướm với trời xanh, chim khuyên rìa cảnh, sương đọng long lanh...</p> <p>+ Đối, nhân hóa: rừng núi lùi xa, đất phẳng thở chan hòa, sóng tỏa chân trời buồm trắng, Mê Công cũng hát.</p> <p>* Vẻ đẹp trù phú của vùng đồng bằng sông Cửu Long: Liệt kê hàng loạt hình ảnh “<i>phù sa nổi vàng</i>”, “<i>ruộng bãi...không hết lúa</i>”, “<i>bến nước tôm cá ngộp thuyền</i>”, “<i>sầu siêng thơm dậy, dứa trĩu quả...</i>”</p>

	<p>⇒ Những bức tranh cảnh vật sinh động, tràn đầy màu sắc và âm thanh. Sông Mê Công hiền hòa, trù phú.</p> <p>→ Sự giàu có hào phóng mà dòng sông ban tặng cho vùng đất Nam Bộ.</p> <p>* Nhân vật ta:</p> <p>+ Ta đi... bản đồ không nhìn nữa... → Đường như hòa nhập tưởng tượng với cuộc sống thật. Khám phá dòng sông.</p> <p>+ Ta cởi áo lội dòng sông ta hát. → Giao hòa với thiên nhiên, hứng thú, say mê.</p> <p>→ Những trải nghiệm phong phú của nhà thơ về địa hình, thiên nhiên gắn với dòng sông Mê Công.</p> <p>→ Tình yêu, niềm tự hào của nhà thơ trước vẻ đẹp của dòng sông Mê Công, tình yêu quê hương đất nước tha thiết.</p>
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:</p> <p>- GV đặt câu hỏi: Hình ảnh người dân Nam bộ hiện lên như thế nào?</p> <p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ cá nhân</p> <p>Bước 3: Báo cáo, thảo luận:</p> <p>HS báo cáo kết quả, nhận xét.</p> <p>Bước 4: Kết luận, nhận định.</p>	<p>3. Hình ảnh người nông dân Nam Bộ</p> <p>- Cực nhọc, cùnh bần để xây dựng quê hương: gói đất nằm sương, mồ hôi và bãi lầy thành đồng lúa.</p> <p>- Họ gắn bó với từng mảnh đất: Thành những tên đọc lên nước mắt đều muốn ứa... Cà Mau.</p> <p>- Là những con người yêu quê, luôn đoàn kết giữ gìn đất đai sông núi; ông cha hy sinh để giữ đất giữ nước cho con cháu: Những mặt đất... chia cắt.</p>

GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức.

→ Sự gắn bó của con người với dòng sông. Sông Mê Kông gắn bó, đóng góp to lớn cho cuộc sống của con người.

*** Nghệ thuật**

- Ngôn ngữ thơ giản dị, dùng thành ngữ gởi đất nằm sương...; liệt kê, ẩn dụ...

- Những trải nghiệm phong phú của nhà thơ về cuộc sống con người gắn với dòng sông Mê Công.

→ **Niềm yêu mến, tự hào, cảm phục của nhà thơ với con người Nam Bộ.**

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:
- GV chia 4 nhóm và yêu cầu hoàn thành PHT



Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:
- HS thảo luận nhóm và hoàn thành PHT

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:
HS báo cáo kết quả, nhận xét.

Bước 4: Kết luận, nhận định.
GV kết luận và nhấn mạnh kiến thức.

4. Tình cảm của tác giả

	Câu thơ thể hiện	Ý nghĩa
Thuở học trò bé	Ngày xưa ta đi học Mười tuổi thơ nghe bản đồ rục rờ	→ Háo hức, say mê, choáng ngợp và khao khát được khám phá.
Khi khôn lớn	Ta đi...bản đồ không nhìn nữa....	→ Tự hào về đẹp, sự trù phú, giàu có có dòng sông; trân trọng, biết ơn dòng sông
Khi trưởng thành	Ta đã lớn...	→ Nhận ra dòng sông Mê Kông còn là dòng sông

			của lịch sử, của văn hóa
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS khái quát nội dung nghệ thuật của bài - HS tiếp nhận nhiệm vụ. <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện nhiệm vụ. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS trả lời câu hỏi; - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức 	<p>III. Tổng kết</p> <p>1. Nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thể thơ tự do, hình ảnh thơ sinh động, giàu sức gợi, giọng thơ tha thiết xúc động. - Sử dụng nhiều phép tu từ nhân hóa, so sánh, liệt kê, ẩn dụ... - Kết hợp yếu tố miêu tả, tự sự để bộc lộ cảm xúc. <p>2. Nội dung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ca ngợi vẻ đẹp của dòng sông Mê Kông và con người Nam Bộ. - Thể hiện tình yêu, niềm tự hào của nhà thơ với dòng sông Mê Kông chảy qua Nam Bộ, và cũng là tình yêu quê hương đất nước. 		

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

GV tổ chức trò chơi “ĐẠI TIỆC ĐÓN TRĂNG”

CÂU HỎI: Đất nước nào được nhắc đến trong khổ thơ thứ 3 của bài?

→ Lào

CÂU HỎI: Sông Cửu Long thuộc khu vực nào nước ta?

→ Đồng bằng sông Cửu Long

CÂU HỎI: Nghệ thuật được sử dụng trong câu “Mắt ngẩng lên trông bản đồ rục rũ/ Như đồng hoa bỗng gặp một đêm mơ” là?

→ So sánh

CÂU HỎI: Thể thơ trong bài Cửu Long giang ta ơi là gì?

→ Tự do

CÂU HỎI: Bài thơ “Cửu Long giang ta ơi” được viết theo trình tự thời gian nào?

→ Từ quá khứ đến hiện tại

Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

c. Sản phẩm học tập: Sản phẩm của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

GV giao nhiệm vụ:

1. GV giao nhiệm vụ: giải thích nhan đề CỬU LONG GIANG TA OI

*** Nhan đề: CỬU LONG GIANG TA OI**

- **Cửu Long Giang:** Lấy đoạn sông Mê Công chảy trên lãnh thổ của nước Việt Nam- Cửu Long- như một cách để giới hạn phần lãnh thổ Việt Nam

- Từ **“ta”**: gọi su thân thiết, ý muốn sở hữu.

- Từ **cảm thán ơi**: Như một lời gọi tha thiết, thể hiện tình cảm của tác giả.

→ Nhan đề: *như một tiếng gọi, một tiếng hát, gọi lên tình yêu, niềm tự hào của tác giả về quê hương đất nước.*

→ **Nêu bật chủ đề của tác phẩm**

Rút kinh nghiệm

.....
.....
.....

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

Tiết.....: VIẾT

VIẾT BÀI VĂN TẢ CẢNH SINH HOẠT

I. Mục tiêu

1. Kiến thức:

- HS biết chọn một cảnh sinh hoạt để viết bài văn miêu tả theo đúng các bước
- HS được khơi gợi óc quan sát, khả năng sáng tạo và nhận ra những ý nghĩa mới của cuộc sống.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận
- Năng lực viết, tạo lập văn bản.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. Tiến trình dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

a. **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. **Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c. **Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

- **GV yêu cầu HS:** Em hãy kể lại một cảnh sinh hoạt mà em đã chứng kiến hoặc tham gia. Cảnh sinh hoạt đó cho em những suy nghĩ, cảm nhận gì?



- **GV dẫn dắt vào bài học mới:**.....

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

2.1. Tìm hiểu yêu cầu đối với bài văn tả cảnh sinh hoạt

a. **Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu đối với bài văn tả cảnh sinh hoạt

b. **Nội dung:** HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập Gv đặt câu hỏi: - Tại sao phải giới thiệu cảnh sinh hoạt?	I. Yêu cầu đối với bài văn tả cảnh sinh hoạt - Giới thiệu được cảnh sinh hoạt - Tả bao quát quanh cảnh (không gian, thời gian, hoạt động chính)

<p>- Có các cách thức nào miêu tả?</p> <p>- Nếu chỉ miêu tả mà không có cảm nghĩ của người viết thì bài văn tả cảnh có giảm sức cuốn hút hay không? Tại sao?</p> <p>- Theo em, một bài viết tả cảnh sinh hoạt cần đáp ứng những yêu cầu gì?</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- HS dựa vào SHS để trõnh bày cõc yêu cầu.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận</p> <p>- GV mời đại diện HS trả lời trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét</p> <p>Bước 4: Đõnh giỏ kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</p>	<p>- Tả hoạt động cụ thể của con người</p> <p>- Sử dụng từ ngữ phù hợp để miêu tả cảnh sinh hoạt một cách rõ nét, sinh động</p> <p>- Nêu được cảm nghĩ về cảnh sinh hoạt.</p>
---	---

2.2 Phân tích bài viết tham khảo

a. Mục tiêu: Phân tích bài viết tham khảo “Một buổi phiên chợ vùng cao”

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành đọc, phân tích bài viết tham khảo, trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM						
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV tổ chức hoạt động LỰA CHỌN GÓI CÂU HỎI VÀ TRẢ LỜI</p> <div data-bbox="220 510 699 779" style="border: 1px solid black; padding: 5px; margin: 10px 0;"> <p style="text-align: center;"><i>Lựa chọn câu hỏi và trả lời</i></p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr><td>1. Ở đoạn văn mở đầu, bài viết đã giới thiệu những gì về cảnh phiên chợ vùng cao?</td></tr> <tr><td>2. Quang cảnh chung của phiên chợ vùng cao được miêu tả qua các chi tiết nào?</td></tr> <tr><td>3. Con người có những hoạt động cụ thể nào khi tham gia phiên chợ vùng cao?</td></tr> <tr><td>4. Chỉ ra các tính từ khiến việc miêu tả cảnh sinh hoạt trở nên rõ nét, sinh động?</td></tr> <tr><td>5. Cảnh phiên chợ được miêu tả theo trình tự nào? Những từ ngữ nào giúp em nhận ra trình tự đó?</td></tr> <tr><td>6. Ý nghĩa của phiên chợ vùng cao là gì?</td></tr> </table> </div> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Dự kiến sản phẩm.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận</p> <p>- HS trình bày sản phẩm</p> <p>- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức</p>	1. Ở đoạn văn mở đầu, bài viết đã giới thiệu những gì về cảnh phiên chợ vùng cao?	2. Quang cảnh chung của phiên chợ vùng cao được miêu tả qua các chi tiết nào?	3. Con người có những hoạt động cụ thể nào khi tham gia phiên chợ vùng cao?	4. Chỉ ra các tính từ khiến việc miêu tả cảnh sinh hoạt trở nên rõ nét, sinh động?	5. Cảnh phiên chợ được miêu tả theo trình tự nào? Những từ ngữ nào giúp em nhận ra trình tự đó?	6. Ý nghĩa của phiên chợ vùng cao là gì?	<p>II. Phân tích bài viết tham khảo</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khởi gợi hứng thú của người đọc bằng một câu hỏi, giới thiệu thời gian diễn ra chợ phiên. 2. Sáng sớm, nẻo đường mòn, sương mù, sườn núi, ven con đường... 3. Phụ nữ- xúng xính áo váy, đàn ông- cầm trên tay khèn hoặc chạc, tùm tùm quanh hồ rượu, bàn bạc, em bé- được mẹ địu, toe toét cười.. 4. Tươi, mộc mạc, khỏe khoắn, đỏ, đầy ắp, sôi sục, nóng hổi, tươi tắn, rộng, hung hăng. 5. Thời gian (ngay từ sáng sớm, tan vào quá tầm trưa...) Không gian (chợ chia thành nhiều khu, dãy bán đồ ăn...) 6. Lưu giữ bản sắc văn hóa trong sinh hoạt cộng đồng của các dân tộc miền núi phía Bắc.
1. Ở đoạn văn mở đầu, bài viết đã giới thiệu những gì về cảnh phiên chợ vùng cao?							
2. Quang cảnh chung của phiên chợ vùng cao được miêu tả qua các chi tiết nào?							
3. Con người có những hoạt động cụ thể nào khi tham gia phiên chợ vùng cao?							
4. Chỉ ra các tính từ khiến việc miêu tả cảnh sinh hoạt trở nên rõ nét, sinh động?							
5. Cảnh phiên chợ được miêu tả theo trình tự nào? Những từ ngữ nào giúp em nhận ra trình tự đó?							
6. Ý nghĩa của phiên chợ vùng cao là gì?							

2.3. Thực hành viết theo các bước

a. Mục tiêu: Nắm được cách viết bài văn tả cảnh sinh hoạt.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và bài viết của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM				
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS xác định mục đích viết bài, người đọc. - Hướng dẫn HS tìm ý. - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm, lựa chọn cảnh sinh hoạt, tìm ý cho đoạn văn theo Phiếu học tập sau: 	<p>III. Thực hành viết theo các bước</p> <p>1. Trước khi viết</p> <p>a. Lựa chọn đề tài</p> <p>Nhớ lại những cảnh sinh hoạt gợi cho em nhiều ấn tượng và kỉ niệm sâu sắc nhất hoặc khiến em nhận ra những ý nghĩa của cuộc sống</p> <p>Đề tài tham khảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cảnh chợ cá trên bờ biển + Ngày Tết trung thu ở quê em + Cảnh thu hoạch mùa màng + Cảnh gói bánh chưng ngày Tết + Cảnh một lễ hội ở địa phương <p>b. Tìm ý</p>				
<table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 30%;">Em sẽ tả cảnh gì?</td> <td>.....</td> </tr> </table>	Em sẽ tả cảnh gì?	<table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 30%;">Em sẽ tả cảnh gì?</td> <td>.....</td> </tr> </table>	Em sẽ tả cảnh gì?
Em sẽ tả cảnh gì?				
Em sẽ tả cảnh gì?				
<table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 30%;">Cảnh sinh hoạt diễn ra ở đâu? Vào thời gian nào?</td> <td>.....</td> </tr> </table>	Cảnh sinh hoạt diễn ra ở đâu? Vào thời gian nào?	<table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 30%;">Cảnh sinh hoạt diễn ra ở đâu? Vào thời gian nào?</td> <td>.....</td> </tr> </table>	Cảnh sinh hoạt diễn ra ở đâu? Vào thời gian nào?
Cảnh sinh hoạt diễn ra ở đâu? Vào thời gian nào?				
Cảnh sinh hoạt diễn ra ở đâu? Vào thời gian nào?				
<table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 30%;">Nhìn bao quát, khung cảnh hiện lên như thế nào?</td> <td>.....</td> </tr> </table>	Nhìn bao quát, khung cảnh hiện lên như thế nào?	<table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 30%;">Nhìn bao quát, khung cảnh hiện lên như thế nào?</td> <td>.....</td> </tr> </table>	Nhìn bao quát, khung cảnh hiện lên như thế nào?
Nhìn bao quát, khung cảnh hiện lên như thế nào?				
Nhìn bao quát, khung cảnh hiện lên như thế nào?				
<table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 30%;">Cảnh sinh hoạt có những chi tiết nào đặc sắc?</td> <td>.....</td> </tr> </table>	Cảnh sinh hoạt có những chi tiết nào đặc sắc?	<table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 30%;">Cảnh sinh hoạt có những chi tiết nào đặc sắc?</td> <td>.....</td> </tr> </table>	Cảnh sinh hoạt có những chi tiết nào đặc sắc?
Cảnh sinh hoạt có những chi tiết nào đặc sắc?				
Cảnh sinh hoạt có những chi tiết nào đặc sắc?				
<table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 30%;">Trong cảnh sinh hoạt, con người có những hoạt động gì?</td> <td>.....</td> </tr> </table>	Trong cảnh sinh hoạt, con người có những hoạt động gì?	<table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 30%;">Trong cảnh sinh hoạt, con người có những hoạt động gì?</td> <td>.....</td> </tr> </table>	Trong cảnh sinh hoạt, con người có những hoạt động gì?
Trong cảnh sinh hoạt, con người có những hoạt động gì?				
Trong cảnh sinh hoạt, con người có những hoạt động gì?				
<table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 30%;">Em có cảm xúc gì khi quan sát cảnh đó?</td> <td>.....</td> </tr> </table>	Em có cảm xúc gì khi quan sát cảnh đó?	<table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 30%;">Em có cảm xúc gì khi quan sát cảnh đó?</td> <td>.....</td> </tr> </table>	Em có cảm xúc gì khi quan sát cảnh đó?
Em có cảm xúc gì khi quan sát cảnh đó?				
Em có cảm xúc gì khi quan sát cảnh đó?				

<p>Em có cảm xúc gì khi quan sát cảnh đó?</p>	<p>.....</p>	<p>c. Lập dàn ý</p> <p>Sắp xếp các ý theo trình tự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không gian: từ bao quát đến cụ thể, từ xa đến gần,... - Thời gian: cái gì diễn ra trước tả trước, cái gì diễn ra sau tả sau. - Theo diễn biến của cảm xúc: ngạc nhiên, đến yêu thích, muốn tham gia, khám phá * Mở bài: Giới thiệu cảnh sinh hoạt: tên cảnh sinh hoạt, ấn tượng chung về cảnh được tả. * Thân bài: Miêu tả cảnh sinh hoạt - Tả bao quát quanh cảnh - Tả cụ thể cảnh sinh hoạt theo trình tự (không gian, thời gian, hoạt động chính). + Tả hoạt động cụ thể của con người. Hoạt động nào là nổi bật. Chi tiết nào gây ấn tượng. + Thể hiện cảm xúc khi quan sát, khi chứng kiến hoặc tham gia cảnh sinh hoạt. + Sử dụng từ ngữ phù hợp để miêu tả cảnh sinh hoạt một cách rõ nét, sinh động. * Kết bài: Nêu suy nghĩ đánh giá của người viết <p>2. Viết bài</p> <p>Khi viết bài, em cần lưu ý</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tả những gì em đã quan sát.
---	--------------	---

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi

- Dự kiến sản phẩm.


Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- HS trình bày sản phẩm;

- GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt kiến thức

	<p>- Nên tả cụ thể hình dáng, màu sắc, âm thanh, mùi vị... Chú ý dùng các biện pháp tu từ như so sánh, nhân hóa để bài viết thêm sinh động.</p> <p>- Sử dụng những từ ngữ thể hiện chân thực tình cảm, suy nghĩ của em.</p> <p>3. Chỉnh sửa bài viết</p> 
--	--

Hoạt động 3: Luyện tập

- a. **Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.
- b. **Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.
- c. **Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.
- d. **Tổ chức thực hiện:**
 - *GV yêu cầu HS làm đề bài sau:* Hãy viết bài văn tả cảnh sinh hoạt quê em.
 - *GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

Hoạt động 4: Vận dụng

- a. **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.
- b. **Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi
- c. **Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS
- d. **Tổ chức thực hiện:**
 - *GV yêu cầu HS:*
 - + HS rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý chỉnh sửa
 - + Làm việc nhóm, đọc bài và góp ý cho nhau nghe, chỉnh sửa bài nhau theo mẫu

Rút kinh nghiệm

.....

.....

.....

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

TIẾT: NÓI VÀ NGHE
CHIA SẺ NHỮNG TRẢI NGHIỆM VỀ NƠI EM SỐNG HOẶC TỪNG
ĐẾN

I. Mục tiêu

1. Kiến thức:

- HS kể và miêu tả được một trải nghiệm của chính mình về khung cảnh hay hoạt động mà mình quan sát hoặc trực tiếp tham gia
- HS biết cách nói và nghe phù hợp: Với tư cách người nói, HS có thể dựa trên bài đã viết, phát triển và làm phong phú hơn cho phần nói, biết phát huy những lợi thế của giao tiếp trực tiếp bằng lời; với tư cách người nghe, HS biết lắng nghe và phản hồi tích cực.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.

3. Phẩm chất:

- Ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Chuẩn bị của GV

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2. Chuẩn bị của HS: SGK, SBT Ngữ văn 6 tập một, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi, v.v...

III. Tiến trình dạy học

Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b. Nội dung: HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- **GV tổ chức hoạt động GÓC CHI SẺ:** Hãy nhắm mắt và nhớ về những kỉ niệm, trải nghiệm ở nơi em sống hoặc từng đến khiến em không thể nào quên.

- *HS tiếp nhận nhiệm vụ.*

- **GV dẫn vào bài học:** Những trải nghiệm thú vị về nơi mình sống hoặc từng đến thăm sẽ luôn là cơ hội mang lại cho các em nhiều cảm xúc, trải nghiệm ấy còn làm phong phú thêm đời sống tâm hồn của các em, giúp các em được mở mang kiến thức. Và điều đó càng có ý nghĩa khi đem điều tuyệt vời đó chia sẻ với bạn bè, người thân. Chính các em đã truyền đến mọi người nguồn năng lượng tích cực để khám phá vẻ đẹp muôn màu của cuộc sống đầy các em ạ!

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

2.1. Trước khi nói

a. Mục tiêu: Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ - GV hướng dẫn HS chuẩn bị nội dung nói	I. TRƯỚC KHI NÓI 1. Chuẩn bị nội dung - Lựa chọn một đề tài phù hợp

<p>- HS thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học</p> <p>- Các nhóm luyện nói.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>- HS trình bày sản phẩm thảo luận;</p> <p>- GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức</p>	<p>- Chuẩn bị tranh ảnh, đoạn phim ngắn... để minh họa cho bài nói.</p> <p>- Ghi ra giấy những ý quan trọng và sắp xếp theo trật tự phù hợp</p> <p>2. Tập luyện</p> <p>- Tập luyện một mình</p> <p>- Trình bày trước bạn bè, người thân</p> <p>- Chọn cách nói tự nhiên, gần gũi với kiểu tâm tình, chia sẻ, giải bày</p>
---	--

2.2. Trình bày bài nói

a. Mục tiêu: Biết được các kỹ năng khi trình bày bài nói.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>- GV nêu đề bài:</p> <p>Ví dụ: <i>“Chia sẻ một trải nghiệm về nơi em sống hoặc từng đến”</i></p> <p>- GV yêu cầu HS đọc đề bài, tiến hành tìm ý và lập dàn ý</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p>	<p>II. TRÌNH BÀY BÀI NÓI</p> <p>1. Mở đầu:</p> <p>- Chào hỏi</p> <p>- Giới thiệu vấn đề</p> <p style="padding-left: 40px;">Kính chào thầy cô và các bạn. Tôi tên là.....lớp.....trường..... Với chủ đề chia sẻ ngày hôm nay: Chia sẻ một trải</p>

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- HS thực hiện nhiệm vụ.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

HS báo cáo sản phẩm

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

nghiệm về một nơi em ấn tượng, tôi xin phép đưa các bạn tránh xa khói bụi thành phố, sự ồn ào của những khu chợ cũng như sự căng thẳng khi gặp phải tình trạng tắc đường về với vùng yên bình, trầm lặng. Quê hương tôi, Thái Bình, ngoài bãi đá bờ đê dòng sông bên lở bên bồi thì còn có cánh đồng lúa là thắng cảnh đẹp. Không biết có bạn nào cùng quê với tôi không nhỉ? Mà kể cả không phải đồng hương, tôi cũng xin hỏi bạn về suy nghĩ của mình về quê hương tôi. Có thể nó không được thế giới cũng như nhà nước công nhận nhưng nó luôn là cảnh tượng đẹp nhất trong lòng tôi. Còn gì đẹp hơn khi nhìn thấy những cánh đồng lúa rộng thẳng cánh cò bay, một nét đẹp của cội nguồn dân tộc mà mỗi chúng ta nên tìm về để chiêm ngưỡng cũng như gìn giữ nó. Một nét đẹp giản dị mộc mạc mang màu xanh của hòa bình.

2. Nội dung chính

- Hoàn cảnh dẫn đến trải nghiệm mà em muốn chia sẻ.
- Kể lại diễn biến trải nghiệm về nơi em sống hoặc vùng đất em từng ghé thăm.

	<p>- Nêu ấn tượng của em về trải nghiệm đó.</p> <p>3. Kết thúc</p> <p>- Khẳng định lại giá trị của trải nghiệm đối với bản thân.</p> <p>- Lời cảm ơn</p> <p>Tôi rất yêu cánh đồng quê hương, nó không chỉ là chỗ để nhân dân tăng gia sản xuất mà nó còn là cánh đồng lúa xanh mướt, là cánh đồng tuổi thơ, cánh đồng kỉ niệm của cá nhân tôi cũng như của những người sinh ra trên quê hương cánh đồng lúa. Càng ngày tôi càng nhận thấy vẻ đẹp của nó và tôi biết nó đã chiếm một phần nào đó trong trái tim tôi. Tôi mong rằng các bạn cũng sẽ chia sẻ với mọi người về nơi em sống hoặc từng đến để chúng ta có nhiều hiểu biết về đất nước Việt Nam cũng như thế giới. Xin chân thành cảm ơn vì mọi người đã lắng nghe.</p>
--	---

2.3. Sau khi nói

- a. Mục tiêu:** Học sinh biết trao đổi, nhận xét về nội dung của bài nói
- b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS
- d. Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ	III. SAU KHI NÓI

<p>- GV hướng dẫn HS trao đổi sau khi nói</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p>	Người nghe	Người nói
	<p>- Cùng hình dung đặc điểm của sự vật, sự việc được người nói kể, tả, từ đó nêu ý kiến nhận xét hoặc cảm xúc của mình về bài nói.</p> <p>- Nêu câu hỏi về những điều cần làm rõ thêm thông tin về lịch sử, địa lý, văn hóa có liên quan đến không gian được nói tới.</p> <p>- Góp ý về cách trình bày dữ liệu, cách diễn đạt, sự tương tác với người nghe.</p>	<p>- Lắng nghe và phản hồi những chia sẻ của người nghe một cách tích cực.</p> <p>- Giải thích những điều người nghe cần làm rõ.</p> <p>- Cảm ơn và tiếp thu những góp ý với tinh thần cầu thị.</p>

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: Học sinh thực hiện bài nói trên lớp.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài nói

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu HS thực hành bài nói với đề bài sau: “*Chia sẻ một trải nghiệm về nơi em sống hoặc từng đến*”

Bài nói tham khảo

Kính chào thầy cô và các bạn. Tôi tên là.....lớp.....trường..... Với chủ đề chia sẻ ngày hôm nay: Chia sẻ một trải nghiệm về một nơi em ấn tượng, tôi xin phép đưa các bạn tránh xa khói bụi thành phố, sự ồn ào của những khu chợ cũng như sự căng thẳng khi gặp phải tình trạng tắc đường về với vùng yên bình, trầm lặng. Quê hương tôi, Thái Bình, ngoài bãi đá bờ đê dòng sông bên lở bên bồi thì còn có cánh đồng lúa là thắng cảnh đẹp. Không biết có bạn nào cùng quê với tôi không nhỉ? Mà kể cả không phải đồng hương, tôi cũng xin hỏi bạn về suy nghĩ của mình về quê hương tôi. Có thể nó không được thế giới cũng như nhà nước công nhận nhưng nó luôn là cảnh tượng đẹp nhất trong lòng tôi. Còn gì đẹp hơn khi nhìn thấy những cánh đồng lúa rộng thẳng cánh cò bay, một nét đẹp của cội nguồn dân tộc mà mỗi chúng ta nên tìm về để chiêm ngưỡng cũng như gìn giữ nó. Một nét đẹp giản dị mộc mạc mang màu xanh của hòa bình.

Cánh đồng lúa quê tôi mang một màu xanh hòa bình êm dịu bất cứ ai cũng yêu mến khi ngắm nhìn nó. Một hình ảnh quá đỗi quen thuộc của làng quê khiến cho những ai sinh ra ở đây thì sẽ không thể quên được nó. Cánh đồng lúa quê tôi được chia thành những ô nhỏ, những bờ ruộng vuông vắn với bờ cao được những người nông dân đắp cao để ngăn không cho nước chảy ra khỏi ruộng. Những cây lúa cứ thế không lo hết nước sinh trưởng và phát triển tốt.

Khi cây lúa mới được trồng lên ngọn của nó nhỏ nhắn thân mềm trước gió, nếu gió to có thể gãy cây bất cứ lúc nào. Những cây lúa non ấy chỉ khi qua mấy tuần nó sẽ cứng chân lên, xanh tốt và đẹp đẽ. Cái màu xanh non của lúa mới trông thật dễ mến làm sao. Cả đồng lúa mon man một màu xanh nhẹ nhàng như thế, một màu xanh dịu dàng nhưng không kém phần tinh tế. Có những lúc cơn gió kia vội vàng thổi làm cho đồng lúa như múa reo vì những lá lúa non đua nhau phấp phới như múa như reo hay chính là nó đang vùng vẫy nổi dậy để lớn lên?

Khi cây lúa lớn hơn những cây khác mọc lên thành khóm lúa, những khóm lúa có màu xanh đậm hơn, cứng cáp hơn dày dặn hơn. Thân vẫn không thiếu đi độ mềm dẻo khi có những cơn bão trở về từng khóm lúa bám chặt vào đất mặc cho sức gió lúa vẫn phát triển lớn lên. Khi cơn bão qua đi thì cánh đồng lúa không còn

thẳng một màu được nữa vì cũng có những cây lúa đã đổ xuống. Thế nhưng nó không chết đi mà nó vẫn gượng dậy và phát triển cho ra những hạt thóc vàng mùa bội thu. Cũng có những cây lúa nghiêng ngả đã vững vàng trước sóng gió đứng thẳng được dậy. Thời này là nơi đẹp nhất người ta gọi nó là thời con gái, những hạt thóc đang áp ủ bên trong những thân lúa, cái món mà lũ trẻ trâu chúng tôi thường hay ăn, mùi của nó thơm thơm, vị của nó ngọt ngào, ngọt cái ngọt riêng của thóc lúa mà không có cái nào giống được. Dân làng tôi gọi nó là đồng đồng, những nhánh đồng đồng dẫu mình bên trong thân lúa giống như những cô gái thẹn thùng nép nép ngượng ngùng. Không chỉ thế gọi nó là thời con gái vì lúc này lúa dẻo dai nhất đẹp nhất, nhìn cả cánh đồng với màu xanh đậm ai cũng sẽ chạnh lòng nghĩ về một thời tuổi thơ trên cánh đồng xanh mướt này.

Còn khi đồng lúa có màu vàng đồng nghĩa là lúa đã đến mùa gặt, những bông lúa nặng trĩu trên tay vàng chói như những bông vàng, hạt châu báu của dân làng tôi. Cả đồng lúa tràn ngập sắc vàng, có chỗ vàng tươi, có chỗ lại vãng sẫm, có chỗ vàng xen lẫn xanh. Khi những cơn gió ulla về như nổi nhớ cả cánh đồng rì rào uốn lượn như từng lớp sóng đầy nhau về phía bờ. Thân lúa lúc này vững chãi, người ta không thể lấy tay nhổ được nữa mà phải lấy liềm cắt. Những bó lúa được xếp thành những lượm lúa nhỏ tuyệt đẹp. Lúa chín đều vui về một mùa bội thu cho nhân dân. Nó giống như hạt ngọc của quê tôi vậy.

Tôi rất yêu cánh đồng quê hương, nó không chỉ là chỗ để nhân dân tăng gia sản xuất mà nó còn là cánh đồng lúa xanh mướt, là cánh đồng tuổi thơ, cánh đồng kỉ niệm của cá nhân tôi cũng như của những người sinh ra trên quê hương cánh đồng lúa. Càng ngày tôi càng nhận thấy vẻ đẹp của nó và tôi biết nó đã chiếm một phần nào đó trong trái tim tôi. Tôi mong rằng các bạn cũng sẽ chia sẻ với mọi người về nơi em sống hoặc từng đến để chúng ta có nhiều hiểu biết về đất nước Việt Nam cũng như thế giới. Xin chân thành cảm ơn vì mọi người đã lắng nghe.

Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

b. Nội dung: Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS đánh giá bài nói của bạn dựa theo mẫu sau:

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ BÀI NÓI CHIA SẺ MỘT TRẢI NGHIỆM VỀ NƠI EM SỐNG HOẶC TỪNG ĐẾN			
STT	Tiêu chí	Đạt	Không đạt
1	Nêu được tên/vấn đề trải nghiệm của bản thân tại nơi em sống hoặc từng đến.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Trình bày được hoàn cảnh dẫn đến trải nghiệm đó.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3	Miêu tả được khung cảnh, nhân vật tham gia trải nghiệm.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4	Trình bày được những cảm xúc, ấn tượng của em về trải nghiệm ấy.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5	Sử dụng được những từ ngữ, giọng điệu phù hợp.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6	Diễn đạt tự nhiên, trôi chảy, rõ ràng.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
7	Phong thái chủ động, tự tin, nhìn vào người nghe khi nói.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Ho và tên: _____

Ghi chép lại

- Điều em yêu thích khi nghe bài nói của bạn
- Điều em muốn góp ý cho bài nói của bạn

Cùng học thật vui hôm nay!

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Hoạt động 5: Củng cố- mở rộng

a. Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học.

b. Nội dung: HS sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm học tập: Kết quả của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức

Bài tập 1. Hãy kẻ bảng vào vở theo mẫu sau và điền thông tin về hai văn bản Cô Tô và Hang Én

	Cô Tô	Hang Én
Hành trình khám phá của con người	Vị trí quan sát của người kể: trên nóc đồn khố xanh, từ đầu mũi đảo Cô Tô, ngày thứ tư, thứ năm, thứ sáu	Từ ngoài vào trong, hành trình khởi đầu từ con dốc Ba Giàn, đến thung lũng Rào Thương để đến với hang Én.
Những thông tin xác thực	Cô Tô, đảo Thanh Luân, anh hùng Châu Hòa Mãn, hợp tác	- Địa danh: dốc Ba Giàn, thung lũng Rào Thương, hang Én.

<i>được ghi chép danh, người, số liệu)</i>	<i>ghi (địa con số)</i>	xã Bắc Loan Đầu, thị Châu Hòa Mãn	- Số liệu: rộng nhất là 110m ² , cao nhất là 120m, sông ở hang chính len lỏi qua hang ngầm khoảng 4 km; - Con người: người A-rem
<i>BPNT bật</i>	<i>nổi</i>	So sánh, nhân hóa.	So sánh, nhân hóa.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Rút kinh nghiệm

.....

.....

.....

.